

Nhịp độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (**GRDP**) 6 tháng đầu năm 2018 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 7,73% so cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,45%, khu vực công nghiệp-xây dựng tăng 14,09% và khu vực dịch vụ tăng 6,53%; phần thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm trong GRDP cũng tăng 5,78% so cùng kỳ năm trước.

Đóng góp vào mức tăng trưởng chung (+7,73 %) của nền kinh tế của tỉnh 6 tháng đầu năm, nhiều nhất là khu vực công nghiệp và xây dựng (đóng góp + 5,21 điểm %); kế đến là khu vực dịch vụ (+2,19 điểm %) và ít nhất là khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (+0,12 điểm %); Ngoài ra phần thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm cũng đóng góp (+0,22 điểm %) cho tăng trưởng chung.

Về cơ cấu kinh tế của tỉnh 6 tháng đầu năm có xu hướng chuyển dịch khá tích cực so cùng kỳ, tỷ trọng khu vực công nghiệp-xây dựng trong GRDP đạt 40,34% (tăng 3,02 điểm % so 6 tháng đầu năm 2017), kế tiếp là khu vực dịch vụ chiếm 33,77% duy trì gần bằng mức năm trước (-0,03điểm%), tỷ trọng khu vực nông-lâm nghiệp-thủy sản ngày càng giảm, chiếm 22,15% (-2,92điểm %) còn lại là phần thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm tỷ trọng 3,74% (-0,07điểm%).

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) 6 tháng đầu năm 2018

| | Tổng sản phẩm theo giá hiện hành | | Tổng sản phẩm theo giá so sánh 2010 | |
|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------|--|---|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Cơ cấu (%) | Tốc độ Tăng (%) | Đóng góp của từng khu vực (điểm %) |
| Tổng số | 31.741 | 100,00 | 7,73 | 7,73 |
| Nông, lâm nghiệp và thủy sản: | 7.030 | 22,15 | 0,45 | 0,12 |
| Công nghiệp và xây dựng: | 12.805 | 40,34 | 14,09 | 5,21 |
| <i>Trong đó: Công nghiệp</i> | <i>10.891</i> | <i>34,31</i> | <i>15,47</i> | <i>4,82</i> |
| Dịch vụ: | 10.719 | 33,77 | 6,53 | 2,19 |
| Thuế sản phẩm, trừ trợ cấp sản phẩm: | 1.186 | 3,74 | 5,78 | 0,22 |

Kết quả hoạt động một số lĩnh vực chủ yếu như sau:

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1 Nông nghiệp:

Đầu năm nay, tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn chưa hết khó khăn, xu hướng phát triển có dấu hiệu chững lại do ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: diễn biến thời tiết bất lợi, sâu bệnh phát triển, giá cả nông sản chưa ổn định, không khuyến khích người sản xuất... Các dự án nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao của tỉnh, mặc dù đang tích cực được triển khai, nhưng diện tích chuyển đổi cây trồng, khối lượng sản phẩm còn ít, chưa tác động đáng kể đến giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Cụ thể từng ngành sản xuất như sau:

a) Trồng trọt:

- Tình hình gieo trồng 2 vụ đông xuân và vụ hè thu:

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm toàn tỉnh 6 tháng đầu năm ước đạt 199.521ha, giảm 4,44% so cùng kỳ năm trước (*trương ứng - 9.274ha*), trong đó giảm chủ yếu từ nhóm các loại cây trồng cho thu hoạch năm sau (mía, mì) với 71.639,89 ha, chiếm 35,91% tổng diện tích gieo trồng cây nông nghiệp hàng năm, giảm 11,25% so cùng kỳ năm trước (-9.079,46 ha); còn nhóm cây trồng thu hoạch trong vụ đạt 127.881ha, bằng 99,07% so cùng kỳ.

Tăng giảm diện tích các loại cây trồng không đồng đều, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vẫn tiếp tục diễn ra thường xuyên. Những cây trồng cho hiệu quả thấp có xu hướng giảm diện tích, ngược lại các cây hiệu quả kinh tế cao hơn ngày càng tăng diện tích, cụ thể một số cây trồng chính như sau:

Đối với các cây trồng thu hoạch trong vụ: cây lúa đạt 94.638 ha, tăng 1,22%; cây ngô diện tích gieo trồng 4.321 ha tăng 14,86%; cây đậu phộng 4.659 ha giảm 9,67%; cây thuốc lá 1.167 ha giảm 24,62% so cùng kỳ....

Đối với các cây trồng thu hoạch năm sau (mía, mì): diện tích cây mì (*cây sắn*) đạt 56.191 ha, giảm 13% so cùng kỳ, nguyên nhân giảm chủ yếu do mì cuối năm trước giá thấp, đồng thời bị ảnh hưởng dịch bệnh khảm và một số bệnh khác làm cho cây mì chết, chũr bột giảm và sản lượng thấp; diện tích mía trồng mới đạt 15.449ha, cũng giảm 4,21% so cùng kỳ, Niên vụ 2017-2018 giá mía giảm mạnh nhưng chi phí thu hoạch và vận chuyển lại tăng, trồng mía gặp nhiều rủi ro, việc đo chũr đường của các nhà máy còn những bất cập chưa được người dân đồng tình dẫn đến tình trạng nông dân phá bỏ diện tích mía chuyển sang trồng loại cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn ngày càng nhiều.

- Ước năng suất- sản lượng một số cây trồng chính (vụ đông xuân):

Cây lúa, năng suất ước đạt 59,11 tạ/ha, tăng 1,23tạ/ha so cùng kỳ; tương ứng sản lượng đạt 273.647tấn, tăng 6,04% so cùng kỳ (*tăng tương ứng 15.590 tấn*). Trong vụ, tình hình sinh trưởng và phát triển cây trồng thuận lợi, mặc dù đến kỳ thu hoạch lại có giông gió, mưa lớn trái vụ làm lúa gãy đổ một số diện tích, nhưng cũng không làm ảnh hưởng nhiều đến tăng năng suất trong vụ, và cũng nhờ diện tích tăng 3,83% nên sản lượng tăng.

Cây ngô năng suất đạt 60,15tạ/ha, giảm 0,07% so cùng kỳ; sản lượng đạt 19.943 tấn, tăng 19,52% so cùng kỳ (*tăng tương ứng 3.257 tấn*). Tình hình thời tiết năm nay thuận lợi đối với sự sinh trưởng và phát triển của cây ngô, tuy nhiên do ảnh hưởng của một vài trận mưa giông làm một số diện tích bị ngã đổ dẫn đến năng suất giảm nhưng sản lượng vẫn tăng do diện tích tăng 19,65%.

Cây đậu phộng năng suất đạt 39,96 tạ/ha, giảm 2,89% do cây đậu phộng năm nay được trồng nhiều ở trên diện tích cây mì bị bệnh khảm để cải tạo đất, không phải những vùng đất chuyên canh nên năng suất cây đậu phộng giảm, mặt khác diện tích năm nay cũng giảm 140ha nên sản lượng giảm 1.000 tấn (*sơ bộ đạt 15.843 tấn*), tương ứng giảm 6,1% so cùng kỳ.

Cây rau các loại năng suất đạt 179,88 tạ/ha, tăng 1,3 %; sản lượng đạt 140.052 tấn, tăng 7,52% so cùng kỳ, do tác động của yếu tố giá người dân đã mở rộng thêm diện tích gieo trồng, nhiều nông dân trên địa bàn huyện Dương Minh Châu, Hòa Thành đưa cây rau màu vào canh tác cùng với việc đầu tư chăm sóc tốt nên diện tích, năng suất, sản lượng sơ bộ cây rau các loại đều tăng.

Tình hình thu hoạch các cây trồng từ vụ trước: Sản lượng mì thu hoạch 6 tháng ước đạt 1.555 nghìn tấn, giảm 14,54% , năng suất đạt 315,85 tạ/ha, giảm 2,91% so cùng kỳ chủ yếu do nhiều yếu tố bất lợi như giá cả xuống thấp những tháng cuối năm 2017, bệnh khảm lá mì xuất hiện hầu hết tại các huyện nên người dân trồng mì gặp khó khăn. Sản lượng mía ước đạt 1.132 nghìn tấn giảm 6,22% so cùng kỳ, chủ yếu do diện tích giảm 5,97% và năng suất ước đạt 771,72 tạ/ha giảm 2,06 tấn/ha so cùng kỳ.

b) Chăn nuôi:

Về tình hình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm 6 tháng đầu năm:

- *Đàn gia súc:* đàn trâu hiện có 14.295 con giảm 12,37% (*giảm tương ứng 2.017 con*), đàn bò 95.610 con tăng 4,32% (*tăng tương ứng 3.956 con*) so cùng kỳ, do địa phương hiện có một số chương trình hỗ trợ con giống và tạo điều kiện cho các hộ vay vốn phát triển chăn nuôi bò, đặc biệt đàn bò sữa tăng mạnh, toàn tỉnh hiện có 10.919 con bò sữa, tăng 60,69% (+4.124 con), trong đó dự án nuôi bò sữa trang trại của Vinamilk ở huyện Bến Cầu tăng quy mô với 6.500 con bò sữa, trong đó có 2.500 con bò cái sữa trong kỳ nên làm đàn bò sữa nói riêng tăng mạnh và đàn bò nói chung tăng so cùng kỳ năm trước.

Đàn lợn hiện có 176.000 con, giảm 6,70% (*tương ứng giảm 12.643 con*) so với cùng kỳ. Mặc dù giá thịt heo hơi tăng mạnh lên mức 48.000 đồng/kg so với tháng trước (tăng 8.000 đồng/kg) nhưng đàn lợn giảm mạnh so với cùng kỳ do những hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trong dân ngày càng thu hẹp do chăn nuôi lợn không còn mang lại giá trị kinh tế cao khi nuôi với số lượng ít nên người dân ngày càng có xu hướng nghỉ nuôi, còn hình thức nuôi trang trại và doanh nghiệp đang có dấu hiệu phục hồi nên dự báo đàn lợn tăng so với kỳ 1/4/2018 nhưng so với cùng kỳ vẫn chưa trở lại mức tăng cũ.

- *Đàn gia cầm:* Tổng đàn gia cầm hiện có 6.078.300 con, so với cùng kỳ tăng 2,22% (+131.800 con). Đàn gia cầm có xu hướng tăng trong kỳ chủ yếu là đàn gà và đàn cút do là loài vật dễ nuôi, chi phí thức ăn ít và thời gian nuôi ngắn, giá cả tương đối ổn định nên người dân thường xuyên nuôi và mở rộng quy mô nuôi có xu hướng tăng. Trong đó, đàn gà hiện có 5.325.280 con, chiếm 87,61% trong tổng đàn gia cầm, so với cùng kỳ tăng 3,22% (+166.130 con). Đàn gà vẫn tăng do tập trung tại các doanh nghiệp, trang trại được đầu tư chuồng trại khép kín nên hạn chế được dịch bệnh, bên cạnh đó mô hình nuôi nhỏ lẻ trong dân ngày càng phát triển do người dân có xu hướng chuyển từ nuôi các loại gia súc sang nuôi gà là con vật dễ nuôi, thời gian nuôi ngắn, không tốn nhiều công chăm sóc.

Kết quả sơ bộ chăn nuôi tháng 06/2018

| | Đơn vị tính | Chính thức CK năm 2017 | Ước thực hiện Tháng 6/2018 | So sánh cùng kỳ (%) |
|--------------------|----------------|---------------------------|----------------------------------|---------------------------|
| I. Gia súc | | | | |
| 1. Trâu | con | 16.312 | 14.295 | 87,63 |
| 2. Bò | con | 91.654 | 95.610 | 104,32 |
| Trong đó: Bò sữa | con | 6.795 | 10.919 | 160,69 |
| 3. Lợn | con | 188.643 | 176.000 | 93,30 |
| II. Gia cầm | | | | |
| | 1000con | 5.946,23 | 6.078,03 | 102,22 |
| Trong đó: Gà | 1000con | 5.159,15 | 5.325,28 | 103,22 |

1.2 Lâm nghiệp:

Trong 6 tháng đầu năm 2018, tình hình sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh diễn ra tương đối thuận lợi. Thời tiết mưa đến sớm, kéo dài thuận lợi cho công tác trồng rừng, chăm sóc nuôi dưỡng rừng, khoanh nuôi tái sinh và công tác quản lý bảo vệ phòng chống cháy rừng. Đến nay, các Dự án rừng đang thực hiện rà soát diện tích quy hoạch trồng rừng, lập hồ sơ thiết kế dự toán trồng rừng; công tác chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng được thực hiện khá tốt; công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh được các chủ rừng triển khai thực hiện, rừng phát triển ổn định, một số trường hợp bị tác động đã được phát hiện, ngăn chặn kịp thời. Tuy nhiên, do việc xử lý tồn tại về bao, lấn chiếm đất lâm nghiệp, trồng cây không đúng mục đích chậm được giải quyết. Trong 6 tháng đầu năm 2018 khai thác gỗ từ đầu năm đến nay 20.400 m³, tăng 34,21% (+5.200 m³) so với cùng kỳ, khai thác củi đạt 140.000 ste, giảm 4,63% so với cùng kỳ (-6.800 ste), do công tác tỉa thưa rừng phòng hộ khu vực Nhà nước giảm.

Trong 6 tháng đầu năm, ngành Lâm nghiệp đã tiến hành rà soát các diện tích quy hoạch trồng rừng, lập hồ sơ thiết kế dự toán trồng rừng được 71,80 ha, đạt 29,90% so với kế hoạch năm. Đến nay, vẫn chưa triển khai trồng mới do việc xử lý tồn tại về bao, lấn chiếm đất lâm nghiệp, trồng cây không đúng mục đích chậm được giải quyết, công tác xử lý các trường hợp trồng rừng sai mô hình, thiết kế tại khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng còn chậm chưa xử lý triệt để.

Ngay trong mùa khô, các ngành chức năng tập trung cho công tác phòng chống cháy rừng, tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2018, địa bàn tỉnh cũng đã xảy ra 2 vụ cháy rừng với diện tích 2,5 ha, ngoài ra có 21 trường hợp cháy, diện tích khoảng 9,033 ha hầu hết ở rừng phòng hộ Dầu Tiếng, chủ yếu là cháy lớp thảm thực vật, cây bụi, chồi cây tái sinh, le ...được ngăn chặn kịp thời và thiệt hại không lớn có khả năng phục hồi sau khi có mưa.

Công tác phòng ngừa và ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp cũng được tăng cường, tuy vậy tình trạng chặt phá rừng vẫn diễn ra, nhất là ở khu vực biên giới chưa thể ngăn chặn được triệt để, 6 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh xảy ra 66 vụ vi phạm quy định về Luật bảo vệ và phát triển rừng giảm 27 vụ với cùng kỳ năm trước.

1.3 Thủy sản:

Tình hình nuôi trồng, khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh, hiện gặp một số khó khăn do tình hình thời tiết diễn biến bất thường, giá cả giảm cùng với chi phí thức ăn cao, làm nuôi trồng không hiệu quả. Diện tích nuôi trồng đạt 387,05ha giảm 2,24% so cùng kỳ, người dân có xu hướng chuyển từ nuôi những thủy sản có giá trị bán thấp (cá trắm, trê, chép...) sang nuôi những thủy sản có giá bán cao tiêu thụ nhiều hơn (cá tra, cá lóc, rô phi...) bên cạnh những hộ nuôi nhỏ lẻ quy mô nhỏ không hiệu quả bỏ ao, hồ trồng chuyển sang ngành nghề khác... Tình hình nuôi cá lồng bè tiếp tục giảm, trong thời gian qua một số vùng nuôi trên sông Vàm Cỏ Đông bị ô nhiễm nguồn nước làm cá chết, do vậy một số hộ đã nghỉ nuôi, những hộ đang nuôi thì không dám mạnh dạn đầu tư mở rộng diện tích.

Nuôi trồng và khai thác thủy sản 06 tháng năm 2018

| | Đơn vị tính | 06 tháng 2017 | Ước 06 tháng 2018 | So sánh cùng kỳ (%) |
|-------------------------------------|----------------|------------------|----------------------|---------------------------|
| 1. Diện tích nuôi trồng thủy sản | ha | 395,92 | 387,05 | 97,76 |
| Trong đó: nuôi cá | “ | 385,39 | 376,42 | 97,67 |
| 2. Sản lượng thủy sản | Tấn | 7.134,04 | 7.010,0 | 98,14 |
| Trong đó: nuôi trồng | “ | 5.438,38 | 5.064,0 | 98,26 |
| - Khai thác | “ | 1.695,66 | 1.673,0 | 98,66 |
| 3. Sản xuất giống thủy sản | Tr.con | 98,32 | 97,0 | 68,14 |

Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng trên địa bàn tỉnh 6 tháng, ước đạt 7.010 tấn, giảm 1,86% so cùng kỳ. Trong đó sản lượng khai thác đạt 1.673 tấn giảm 1,34% so cùng kỳ, sản lượng nuôi trồng đạt 5.064 tấn, cũng giảm 1,74%, sản lượng nuôi trồng giảm chủ yếu do diện tích nuôi trồng giảm. Trong 6 tháng sản lượng giống thủy sản ước thực hiện được 67 triệu con so cùng kỳ bằng 68,14% (giảm 31,32 tr.con) so cùng kỳ.

2. Sản xuất Công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của tỉnh tháng 6/2018 tăng 2,02% so với tháng trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 1,69%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,09%; sản xuất và phân phối điện giảm 6,17%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 5,66%.

Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng¹ 15,27%, trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 6 tháng năm nay tăng khá so với cùng kỳ năm trước, như: Dệt tăng 34,73%; Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu (+59,74%); sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (+31,61%); SX sản phẩm từ cao su và plastic (+30,22%); SX trang

¹ Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng năm 2017 tăng 15,03%

phục (+14,62%)...bên cạnh cũng có ngành giảm như Khai khoáng (-22,90%), và CN chế biến chế tạo khác (-10,79%).

Chỉ số phát triển công nghiệp và một số ngành chủ yếu

| | Đơn vị tính: % | |
|--|--|-----------------------------------|
| | Tháng 06/2018 so với tháng 05/2018 | 6 tháng 2018 So với cùng kỳ |
| Tổng số | 102,02 | 115,27 |
| Chia theo ngành cấp 1 | | |
| 1..Công nghiệp khai khoáng | 101,69 | 77,10 |
| 2. Công nghiệp chế biến, chế tạo | 102,09 | 115,11 |
| 3. SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng..... | 93,83 | 112,02 |
| 4.Cung cấp nước, hđ quản lý và xử lý rác thải... | 105,66 | 143,09 |
| Một số ngành công nghiệp chủ yếu | | |
| 1.Sản xuất chế biến thực phẩm | 86,53 | 100,11 |
| 2.Dệt | 101,85 | 134,73 |
| 3. Sản xuất trang phục | 109,64 | 114,62 |
| 4.Sản xuất da và sản phẩm có liên quan | 102,11 | 108,03 |
| 5. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy | 145,00 | 131,61 |
| 7. Sản phẩm từ cao su và plastic | 105,13 | 130,22 |
| 8. Sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác | 96,12 | 118,49 |
| 9. Sản xuất và phân phối điện | 93,83 | 112,02 |
| 10. Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 105,66 | 143,09 |

Chỉ số tồn kho của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 06/2018 so với tháng trước giảm 1,76%, so với tháng cùng kỳ năm trước tăng 13,15%, tập trung ở các ngành: Công nghiệp dệt (+30,78%); SX da và các SP có liên quan (+116,49%); SX sản phẩm từ cao su và plastic (+3,62%); sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy (+83,31%); sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất (+42,99%)...

Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 06/2018 so tháng trước tăng 2,87%, so với tháng cùng kỳ năm trước tăng 2,87%, cộng dồn so với cùng kỳ cũng tăng 1,71%. So với tháng trước, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp ngành khai khoáng, ngành sản xuất, truyền tải và phân phối điện ổn định; ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 1,45% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,99%. So với tháng cùng kỳ

năm trước, ngành khai khoáng giảm còn 64,58%, ngành sản xuất, truyền tải và phân phối điện tăng 1,86%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 2,83%, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 15,29%. Cộng dồn so cùng kỳ, chỉ số sử dụng lao động của toàn ngành công nghiệp tăng 1,71%.

Các sản phẩm sản xuất chủ yếu của tỉnh đều có chỉ số sản xuất tăng khá so cùng kỳ, cụ thể: Giấy các loại tăng 9,46%; Quần áo các loại tăng 12,68%; vỏ, ruột xe tăng 19,04%; Xi măng tăng 18,49%; điện thương phẩm tăng 9,53%; nước máy sản xuất tăng 6,04% so cùng kỳ... Bên cạnh đó cũng có sản phẩm duy trì bằng hoặc đạt thấp hơn so cùng kỳ năm 2017 như: Bột mì giảm 1,26%; Đường các loại bằng 100,8%; và Clanhke Poolan chỉ bằng 67,14%...

3. Vốn đầu tư phát triển

a) Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước do địa phương quản lý:

Tháng 6/2018, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện đạt 286,5 tỷ đồng, tăng 16,58% so tháng trước. Bao gồm, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 244,7 tỷ đồng, tăng 16,40%; vốn ngân sách cấp huyện đạt 41,5 tỷ đồng, tăng 19,46%; và vốn ngân sách cấp xã dự tính đạt 300 bằng 38,96% so với tháng trước.

Luỹ kế 6 tháng đầu năm ước đạt 1.162,8 tỷ đồng đạt 41,75% kế hoạch năm, và tăng 18,90% so cùng kỳ năm 2017. Trong đó vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 977,12 tỷ đồng bằng 41,1 dự toán và tăng 18,08%; vốn ngân sách cấp huyện đạt 183,96 tỷ đồng bằng 45,32% dự toán và tăng 22,19% so cùng kỳ.

b) Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn:

6 tháng đầu năm vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước thực hiện đạt 10.559 tỷ đồng, tăng 11,37% so cùng kỳ. Cụ thể, từng khu vực:

- *Khu vực Nhà nước:* ước thực hiện 1.182 tỷ đồng, tăng 8,28% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước đạt 1.224 tỷ đồng (gồm cả Ngân sách trung ương trên địa bàn), tăng 19,42%; Vốn trái phiếu chính phủ đạt 27,83 tỷ tăng 120,68%; Vốn tín dụng đầu tư phát triển đạt 27,64 tỷ cũng tăng 86,03%; Riêng vốn tự có của các doanh nghiệp nhà nước ước đạt 3,27 tỷ đồng, chỉ bằng 5,28% so với 6 tháng năm 2017.

- *Khu vực ngoài nhà nước:* ước thực hiện 5.818 tỷ đồng, tăng 9,44% so cùng kỳ. Tăng nhiều tập trung chủ yếu ở khoản mục vốn của các hộ gia đình đầu tư cho xây dựng nhà ở dân cư, nguyên nhân do giá vật liệu xây dựng trong những tháng đầu năm nay tương đối ổn định, vốn đầu tư của dân cư 6 tháng ước đạt 4.526,6 tỷ đồng, tăng 18,24%; vốn của các tổ chức doanh nghiệp đạt 1.291 tỷ đồng, bằng 86,79% so cùng kỳ năm 2017.

- *Khu vực đầu tư nước ngoài:* ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 đạt 3.459 tỷ đồng tăng 16,02% so cùng kỳ.

Công tác thu hút đầu tư nước ngoài 6 tháng trên địa bàn tỉnh ước đạt 334,57 triệu USD, giảm 51% so với cùng kỳ, gồm: Cấp giấy chứng nhận đầu tư mới 14 dự án với vốn đăng ký 162,2 triệu USD, bằng với số dự án đăng ký cùng kỳ năm trước và giảm 74,48% về vốn đăng ký so với cùng kỳ; 13 dự án điều chỉnh bổ sung vốn 172,37 triệu USD, tăng 4 số dự án và cũng tăng 265,73% về vốn so với

cùng kỳ. Tính đến tháng 6/2018, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 283 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 5.465 triệu USD, đã có 219 dự án đã hoạt động với số vốn 4.183,75 triệu USD; 16 dự án đang xây dựng với số vốn 367,9 triệu USD; 37 dự án chưa triển khai với số vốn 879,96 triệu USD; 11 dự án dừng hoạt động với số vốn 33,43 triệu USD. Vốn thực hiện lũy kế đạt khoảng 51,6% tổng vốn đăng ký.

4. Hoạt động xây dựng

Giá trị sản xuất xây dựng trên địa bàn tỉnh (theo giá hiện hành) ước 6 tháng đạt 7.731 tỷ đồng, tăng 25,59% so cùng kỳ. Trong tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng, giá trị xây dựng công trình nhà ở đạt 4.121,29 tỷ đồng chiếm 51,31%; công trình nhà không để ở đạt 2.477,67 tỷ đồng chiếm 32,05%; công trình kỹ thuật dân dụng đạt 911,23 tỷ đồng chiếm 11,79%; Công trình xây dựng chuyên dụng đạt 221,32 tỷ đồng chiếm 2,86% tổng giá trị xây dựng trên địa bàn.

Theo giá so sánh 2010, giá trị sản xuất xây dựng 6 tháng đầu năm trên địa bàn ước tăng 6,83% so cùng kỳ. Trong tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng, giá trị xây dựng công trình nhà ở tăng 20,55%; Công trình xây dựng chuyên dụng tăng 27,89%; công trình nhà không để ở giảm 2,76%; công trình kỹ thuật dân dụng cũng giảm 17,22% so với 6 tháng năm 2017.

5. Giao thông vận tải

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng 06/2018 ước đạt 227,68 tỷ đồng (chủ yếu là kinh tế ngoài nhà nước), tăng 0,71% so tháng trước, trong đó: Vận tải hành khách đạt 64,48 tỷ đồng, tăng 1,29%; vận tải hàng hóa đạt 159,18 tỷ đồng, tăng 0,49%; hoạt động dịch vụ vận tải đạt 4,01 tỷ đồng cũng tăng 0,27% so với tháng trước.

Cộng dồn 06 tháng, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.360 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 7,71%, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 413,12 tỷ đồng tăng 7,27%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 923,77 tỷ đồng tăng 7,91% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 23,4 tỷ đồng tăng 7,61% so với 6 tháng năm 2017.

Khối lượng vận tải hành khách tháng 06/2018 ước tính đạt 1.187 nghìn lượt khách, tăng 0,82% và luân chuyển 105.587 nghìn lượt khách.km, tăng 1,35% so tháng trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm, vận tải hành khách trên địa bàn đạt 10.371 nghìn lượt khách, tăng 6,70% và luân chuyển được 584.585 nghìn lượt khách.km, cũng tăng 7,12% so cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hóa tháng 6/2018 ước tính đạt khối lượng 1.263 nghìn tấn, tăng 0,63% và luân chuyển được 92.385 nghìn tấn.km, tăng 0,74% so tháng trước. Cộng dồn 6 tháng đầu năm, vận chuyển hàng hóa ước đạt khối lượng 7.244 nghìn tấn, tăng 7,45% và luân chuyển được 550.290 nghìn tấn.km, tăng 7,74% so cùng kỳ.

6. Thương mại hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng

a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá trên địa bàn tỉnh tháng 06/2018 ước đạt 4.616 tỷ đồng, tăng 2,63% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt

169,53 tỷ đồng, duy trì bằng 100,02% so với tháng trước; kinh tế ngoài nhà nước đạt 4.447 tỷ đồng, tăng 2,74% so tháng trước.

Lũy kế 06 tháng đầu năm tổng mức ước đạt 26.851 tỷ, tăng 10,34% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước tăng 28,34%; kinh tế ngoài nhà nước tăng 9,45%; Một số nhóm hàng chiếm tỷ trọng chủ yếu như nhóm lương thực, thực phẩm đạt 9.869 tỷ đồng, tăng 10,79%; nhóm xăng, dầu các loại đạt 3.717 tỷ đồng, tăng 15,48%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 3.781 tỷ đồng, cũng tăng 10,54% so với cùng kỳ.

b) Hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành:

Tháng 06/2018 doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.248 tỷ đồng, giảm 3,01% so tháng trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 276,9 tỷ đồng giảm 9,71%, khu vực ngoài nhà nước đạt 964,7 tỷ đồng so tháng trước tăng 3,11%, và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 6,9 tỷ đồng tăng 1,5% so tháng trước.

6 tháng đầu năm doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đạt 7.581 tỷ đồng tăng 12,84%, trong đó doanh thu dịch vụ ăn uống chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 4.299 tỷ đồng tăng 13,85%, và dịch vụ khác đạt 3.193 tỷ đồng tăng 11,54% và dịch vụ lưu trú đạt 88,75 tỷ đồng cũng tăng 11,46% so cùng kỳ.

7. Tình hình biến động giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ

Trong tháng 6 giá xăng dầu các loại định kỳ được điều chỉnh, không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất và kinh doanh, mà còn ảnh hưởng đến chỉ số giá tiêu dùng chung trên địa bàn tỉnh. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2018 tăng 0,84% so với tháng trước, tăng 2,27% so với tháng 12 năm trước, tăng 4,57% so với cùng tháng năm trước và tăng 4,02% so với bình quân cùng kỳ. Giá bán các mặt hàng, nhóm hàng trong tháng biến động, cụ thể như sau:

Nhóm lương thực tháng này tăng 0,28% so tháng trước, cụ thể : gạo tẻ thường tăng 0,27%, gạo tẻ ngon tăng 0,05%; Bột mì và ngũ cốc tăng 0,02%; Bún bánh phở tăng 0,43%;

Chỉ số nhóm thực phẩm tháng này tăng 2,61% so tháng trước, cụ thể do: Nhóm thịt gia súc tươi sống tăng 4,13%, chủ yếu do thịt heo tăng 5,13%, nguyên nhân những tháng trước giá heo xuống thấp nhiều hộ dân đã ngừng chăn nuôi gây thiếu hụt nghiêm trọng nguồn cung dẫn đến giá tăng cao, đồng thời Thịt bò cũng tăng 0,36%, thịt gà tăng 2,08% do trong tháng có Tết Đoan ngọ nên nhu cầu của người dân tăng lên ; Cá tươi tăng 2,31%, thủy hải sản tươi sống khác tăng 1,72% do diện tích nuôi trồng thủy sản vào cuối vụ trong khi diện tích nuôi mới chưa đến ngày thu hoạch công thêm thời tiết bất lợi nên số tàu thuyền ra khơi khai thác đánh bắt chưa đạt tuyệt đối đẩy giá thủy hải sản tăng lên;

Nhóm rau tươi các loại tăng 4,44% so với tháng trước như : rau dạng củ quả tăng 4,05%, rau tươi khác tăng 5,61%, rau muống tăng 6,09%, bắp cải tăng 6,49%, khoai tây tăng 0,3% nguyên nhân do thời tiết tháng 6 bắt đầu vào mùa mưa, xuất hiện những cơn mưa lớn gây thiệt hại một phần diện tích trồng rau củ quả của người dân dẫn đến thiếu hụt nguồn cung đẩy giá tăng lên;

Nhóm quả tươi tăng 5,78% như quả có múi tăng 4,48%, chuối tăng 3,48%, táo tăng 1,17%, xoài tăng 5,42% do nhu cầu người dân mua sắm nhiều dịp Tết Đoan ngo;

Nhóm chè, cà phê tăng 0,33% cụ thể cà phê tăng 1,16% do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trong năm ngoái nên chất lượng cà phê không được tốt nên các doanh nghiệp xuất khẩu đẩy mạnh thu mua để đảm bảo đơn hàng.

Chỉ số giá các mặt hàng, nhóm hàng phi lương thực, thực phẩm biến động cụ thể như sau:

Nhóm giao thông tăng 1,51% so với tháng trước trong đó giá xăng dầu diezen tăng 2,36% do trong tháng giá dầu được điều chỉnh tăng nhiều lần. Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 0,23% so tháng trước cụ thể giá gas tháng này tăng 5,56% do tháng này giá gas tăng 18.000 đồng/bình 12kg, chỉ số than, củi không tăng và giữ ổn định so tháng trước; giá nhóm vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,97% như thép giảm 2,28% do mưa nhiều nên nhu cầu xây dựng có phần giảm xuống so với những tháng nắng;

Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,26% so với tháng trước do giá các mặt hàng tivi như LCD giảm 4,42%, tivi Samsung giảm 2,88% do được các hãng điện máy kích cầu giảm giá trong mùa Worldcup;

Giá vàng và giá Đô la Mỹ: Do ảnh hưởng của giá vàng, giá Đô la Mỹ trên thị trường thế giới, giá vàng bình quân tháng 6/2018 là 3.542.000 đồng/chỉ (-1,03%); giá Đô la Mỹ tháng này là 22.882,15 đ/USD (+ 0,77%) so tháng 5.

8. Thu chi ngân sách

a) Thu ngân sách:

Ước tổng thu ngân sách trên địa bàn tháng 6/2018 đạt 545,2 tỷ đồng, cộng dồn 6 tháng đạt 3.792 tỷ đồng, đạt 54,91% dự toán năm, tăng 5,5% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 3.552,5 tỷ đồng, đạt 56,33% dự toán, và cũng tăng 10,7%; Riêng thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước đạt 240 tỷ đồng, chỉ bằng 40% dự toán năm và thấp hơn 38,1% so cùng kỳ năm trước.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

| | Năm 2018 (tỷ đồng) | | % thực hiện 06 tháng năm 2018 so với | |
|-------------------------------------|-----------------------|--------------------|---|---------------------|
| | Dự toán | Ước TH 06 tháng | Dự toán | Cùng kỳ năm 2017 |
| Tổng thu | 6.907 | 3.792 | 54,91 | 105,5 |
| I. Thu nội địa | 6.307 | 3.552 | 56,33 | 110,7 |
| Trong đó: | | | | |
| 1. Doanh nghiệp nhà nước | 660 | 254,9 | 38,62 | 92,0 |
| 2. DN có vốn đầu tư nước ngoài | 490 | 223,2 | 45,56 | 103,3 |
| 3. Khu vực CTN và DV ngoài nhà nước | 1.233 | 689,9 | 56,69 | 138,8 |
| 4. Hoạt động xổ số | 1.450 | 1.019 | 70,30 | 98,2 |
| II. Thu từ hoạt động XNK | 600 | 240 | 40,0 | 61,9 |

Nhìn chung, tình hình thu ngân sách trong 6 tháng đầu năm nay đạt khá so với dự toán năm, trong đó khoản thu nội địa chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số nguồn thu đạt khá cao so với dự toán cả năm (*bằng 56,33% dự toán năm*). Trong đó có một số khoản tăng khá cao so với cùng kỳ như: Thu từ Khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài nhà nước đạt 56,69% dự toán và tăng 38,8%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 223,2 tỷ, bằng 45,56% dự toán và tăng 3,3%; Thuế thu nhập cá nhân đạt 330,8 tỷ tăng 19,5%; tiền sử dụng đất đạt 153 tỷ tăng 46,3% so cùng kỳ. Cũng có khoản thu đạt thấp hơn so cùng kỳ như thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 254 tỷ bằng 38,62% dự toán năm, giảm 8,0%; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giảm 64,0% ; Thu từ hoạt động phí, lệ phí cũng giảm 1,8%...

b) Chi ngân sách:

Chi ngân sách ước tháng 6/2018 đạt 788 tỷ đồng, nâng mức chi 6 tháng đầu năm đạt 3.582 tỷ đồng, đạt 41,80% dự toán, tăng 35,70% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 2.127 tỷ đồng, bằng 44,40% dự toán năm tăng 7,80% so cùng kỳ; chi đầu tư phát triển 1.015,9 tỷ đồng, bằng 46,7% dự toán, tăng 67,90% so cùng kỳ; trong đó đầu tư xây dựng đạt 1.012 tỷ đồng, đạt 47,40% dự toán năm và tăng 67,70% so cùng kỳ năm 2017.

Chi ngân sách nhà nước địa phương

| | Năm 2018 (tỷ đồng) | | % thực hiện 06 tháng năm 2018 so với | |
|---|-----------------------|--------------------|---|---------------------|
| | Dự toán | Ước TH 06 tháng | Dự toán | Cùng kỳ năm 2017 |
| Tổng chi | 8.445,5 | 3.528 | 41,80 | 135,7 |
| I. Chi cân đối NSDP | 7.190 | 3.144 | 43,70 | 121,9 |
| Trong đó: | | | | |
| 1. Chi đầu tư phát triển | 2.177 | 1.016 | 46,70 | 167,9 |
| 2. Chi thường xuyên | 4.973,5 | 2.127 | 44,40 | 107,8 |
| Trong đó: | | | | |
| + Sự nghiệp kinh tế | 649,9 | 252 | 38,80 | 98,3 |
| + Sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề | 2.006 | 834 | 41,60 | 106,1 |
| + Sự nghiệp y tế | 399 | 240 | 43,90 | 111,3 |
| + Quản lý hành chính | 882 | 441 | 50,00 | 111,8 |
| II. Chi chương trình MTQG | 1.255 | 384 | 30,6 | 1.793,4 |

9. Hoạt động ngân hàng

Hoạt động hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2018 phát triển ổn định. Tổng nguồn vốn huy động ước đến cuối tháng 6/2018 ước đạt

39.395 tỷ đồng, tăng 5% so cuối tháng 12 năm 2017. Trong đó vốn huy động ngắn hạn (dưới 12 tháng) là chủ yếu, đạt 26.040 tỷ đồng (*Chiếm 66,1%*) tăng 4,95% so đầu năm; Vốn huy động trung và dài hạn đạt 13.354 tỷ đồng tăng 5,09% so đầu năm; Nguồn vốn huy động chủ yếu từ tiền gửi trong dân cư đạt 30.481 tỷ đồng chiếm 77,44% trong tổng số tăng 4,29%; tiền gửi của các tổ chức kinh tế ước đạt 8.511 tỷ đồng, cũng tăng 9,97% so đầu năm;

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 6 ước đạt 45.203 tỷ đồng, so với đầu năm tăng 8,5%. Trong đó dư nợ ngắn hạn 29.165 tỷ chiếm 64,52% tổng số. Nợ xấu 196 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,43% so với tổng dư nợ, tăng 4,14% so với đầu năm.

10. Các hoạt động văn hóa xã hội

a) Đời sống, lao động, giải quyết việc làm:

6 tháng đầu năm 2018, do giá một số mặt hàng nông sản chủ yếu của tỉnh vẫn ở mức thấp đã làm ảnh hưởng đến đại bộ phận nông dân sản xuất nông nghiệp, giá mủ cao su tăng nhưng vẫn thấp so với cùng kỳ vì vậy làm ảnh hưởng đến thu nhập nông dân trồng cao su. Bên cạnh đó những hộ nông dân trồng cây mía, mì gặp khó khăn do bệnh dịch, giá cả bấp bênh. riêng giá lúa, củ mì tăng, mặt khác vật tư nguyên liệu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đều tăng đã làm cho thu nhập một bộ phận dân cư giảm xuống

Tuy nhiên, nhìn chung đời sống nông dân vẫn ổn định, không xảy ra đói giáp hạt trên địa bàn tỉnh. Tình hình xoá đói giảm nghèo được các cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể thường xuyên quan tâm đúng mức bằng các hình thức giúp đỡ những hộ gia đình gặp khó khăn trong cuộc sống vươn lên thoát nghèo như hỗ trợ vốn sản xuất, giải quyết việc làm.

Các chính sách hỗ trợ người nghèo cho vay vốn ưu đãi, vẫn được duy trì tạo điều kiện cho các hộ nghèo và hộ cận nghèo vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội, với tổng số dư nợ đến nay là: 2.119,755 tỷ đồng, trong đó hộ nghèo vay 185,35 tỷ đồng, để sản xuất kinh doanh, tạo việc làm ổn định cho các hộ nghèo, bình quân mỗi hộ được vay 1 lượt mức vay cao nhất là 50 triệu đồng, chủ yếu để trồng trọt và chăn nuôi, và kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ. Đồng thời triển khai các chính sách vay vốn đối với học sinh, sinh viên, dạy nghề được tiến hành đúng đối tượng, kịp thời, đến nay tổng dư nợ cho đối tượng này 327,5 tỷ đồng.

Trong 6 tháng đầu năm, các hoạt động hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động: tư vấn việc làm và học nghề cho 9.805 lượt lao động; giới thiệu cung ứng lao động trong nước 862 lao động; các tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giải quyết được 297 lao động; tổ chức 04 phiên giao dịch việc làm với 33 doanh nghiệp và có 1.980 lao động tham gia.

Đối với lao động là người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong tỉnh: Sáu tháng đầu năm có 153 doanh nghiệp đăng ký và được UBND tỉnh chấp thuận cho tuyển 2.932 lao động, đã tiếp nhận và cấp giấy phép lao động cho 889 lao động là người nước ngoài làm việc tại tỉnh (*cấp mới 465, cấp lại 424*).

Công tác dạy nghề: các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề khu vực Nam Tây Ninh, các cơ sở dạy nghề tiếp tục tuyển sinh và đào tạo nghề theo kế hoạch.

Sáu tháng đầu năm 2018 hiện đang đào tạo 4.636 người(trong đó trình độ cao đẳng: 536 người; Trung cấp: 2.690 người; và sơ cấp: 1.321người). Số học viên trình độ sơ cấp nghề tốt nghiệp trong 6 tháng đầu năm là 2.017 người, có việc làm 1.648 người, đạt tỉ lệ 81,7%.

Đầu năm đến nay xảy ra 06 vụ tranh chấp lao động, dẫn đến ngừng việc tập thể (trong khu Chế xuất Linh Trung III : 04 vụ; ngoài khu công nghiệp: 02 vụ) với 3.787lao động tham gia, các cuộc đình công đều đã được hòa giải thành, so với cùng kỳ năm trước tăng 03 vụ và tăng 3.142 người tham gia.

b) Hoạt động y tế:

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh ghi nhận có 81 ca mắc chân tay miệng tăng 15,71% so với tháng trước, nhưng giảm 37,21% so cùng kỳ năm trước. Các huyện, thành phố có số ca mắc mới trong tháng là: Châu Thành 14 ca; Thành phố Tây Ninh 15 ca; Trảng Bàng 19 ca; Gò Dầu 30 ca; Tân Châu 06 ca; Hòa Thành 04 ca; Dương Minh Châu: 04 ca; Tân Biên 06 ca; Bến Cầu 00 ca. Tổng số ca cộng dồn đến nay: 273 ca giảm 30,53% so sánh cùng kỳ năm 2017 (393ca). Trong tháng không có ca tử vong.

Số ca sốt xuất huyết trong tháng phát sinh 57 ca giảm 13,64% so với tháng trước. Cộng dồn 6 tháng đầu năm 354ca, tăng 24,68% so cùng kỳ năm 2017 (470 ca),không có ca tử vong. Nhìn chung trong tháng không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm, thực hiện thanh kiểm tra : 1.074 cơ sở, trong đó đạt 801 cơ sở, đạt tỷ lệ 74,54%, số cơ sở vi phạm 273 cơ sở, trong đó: nhắc nhở: 227 cơ sở, xử phạt: 41 cơ sở với số tiền là 200triệu.đ. Hủy sản phẩm: 20 cơ sở, loại sản phẩm bị hủy: 22kg bó sô không đảm bảo an toàn thực phẩm; các loại bánh mứt, kẹo không rõ nguồn gốc xuất xứ; 02 kg bánh tráng các loại không nguồn gốc xuất xứ; 0,5 kg bánh lọt. Các nội dung vi phạm chủ yếu: không thực hiện công bố cho sản phẩm; Lưu mẫu không đúng quy định; Trang thiết bị và điều kiện vệ sinh cơ sở không đảm bảo ATTP; Không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc nguyên liệu thực phẩm; Kinh doanh thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ; Không có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Không xác nhận kiến thức, khám sức khỏe định kì....

Theo báo cáo của ngành chức năng: Trong tháng xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm (do ăn nấm) với 06 ca mắc; 04 ca đi viện; 01 ca tử vong.

c) An toàn giao thông:

Trong tháng 6/2018 (từ ngày 16/5/2018 -15/6/2018) trên địa bàn xảy ra 16 vụ tai giao thông với số người bị chết 7 người và số người bị thương 15 người, so với tháng cùng kỳ năm trước giảm 05 vụ, số người bị chết giảm 03, và số người bị thương cũng giảm 8 người. Lũy kế 6 tháng đầu năm số vụ tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn tỉnh là 136 vụ, làm chết 62 người và bị thương 106 người. So với cùng kỳ năm trước, tia nạn giao thông đều tăng cả 03 tiêu chí, trong đó số vụ tăng 58 vụ, số người chết tăng 37 và số người bị thương cũng tăng 32 người; Nguyên nhân chủ yếu của các vụ tai nạn là do người điều khiển xe không đúng phần đường, chuyển hướng tránh vượt không quan sát và sử dụng rượu bia khi tham gia

giao thông....Tai nạn giao thông đường thuỷ trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh không xảy ra.

d) Hoạt động văn hoá:

Trong tháng này ngành Văn hoá đã tập trung tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn: Mừng Đảng-Mừng Xuân Mậu Tuất, Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2), Ngày Biên phòng (03/3); Ngày quốc tế Phụ nữ (08/3), Ngày Quốc tế hạnh phúc (20/3), Ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất đất nước (30/4), Ngày Quốc tế lao động (1/5), Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5), 128 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), Ngày Quốc tế thiếu nhi (1/6); tuyên truyền giáo dục Pháp luật, các chương trình mục tiêu Quốc gia về phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, mại dâm; về an toàn giao thông, xây dựng Nông thôn mới, chủ quyền biên giới-hải đảo của Việt Nam ...

Ngành đã thực hiện 82 tấm pano (trong đó: 04 cụm pano chiến lược), 96 tấm băng rôn, 30 câu khẩu hiệu, 2.360 cờ hội, phướn các loại. Cấp huyện: thực hiện 1245 m² pa nô, 1.200 tấm băng rôn, 501 câu khẩu hiệu, 4.825 cờ các loại, 10 cuộc triển lãm lưu động và tại chỗ, 99 buổi xe loa cổ động đường phố.

Công tác quản lý, thanh, kiểm tra chấn chỉnh các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch được tăng cường. Trong 6 tháng đội kiểm tra liên ngành các cấp tổ chức 39 cuộc kiểm tra (20 cuộc kiểm tra chuyên ngành và 19 cuộc kiểm tra liên ngành) với 83 lượt cơ sở, quyết định xử phạt vi phạm hành chính 18 cơ sở (08 cá nhân, 10 tổ chức) tổng số tiền 233 triệu đồng

e) Thiệt hại thiên tai,

Trong 6 tháng đầu năm 2018, đã vào mùa mưa thiệt hại do mưa lớn giông lốc cục bộ xảy ra rải rác hầu khắp các huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh đã làm tốc mái hư hại 122 căn nhà ở và 01 nhà xưởng cơ sở sản xuất, thiệt hại 1,7ha rau màu các loại, làm gãy đổ 14,1 ha lâu năm, 15,4 ha cây ăn quả, và 193 ha cây trồng khác, làm đổ gãy 41 cây trụ điện trung cao thế và hạ thế ước tính Tổng giá trị thiệt hại khoảng 11.120,7 triệu đồng.

f) Trật tự an toàn xã hội và Vi phạm môi trường:

Trong tháng này trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ cháy nổ nào, tuy nhiên lũy kế 6 tháng đầu năm đã xảy ra 21 vụ cháy, không làm thiệt hại về người, ước thiệt hại về tài sản do cháy khoảng 6.513,75 triệu đồng. So cùng kỳ tăng 12 vụ và mức độ thiệt hại cũng tăng hơn 6.076 triệu đồng;

6 tháng đầu năm ngành chức năng đã phát hiện và đã xử lý 02 vụ, vi phạm môi trường, xảy ra trên địa bàn huyện Tân Châu và Dương Minh Châu, đã xử lý phạt cảnh cáo đình chỉ hoạt động 01 đơn vị, và phạt tiền 300 triệu đồng, so với cùng kỳ năm trước số vụ vi phạm môi trường giảm 06 vụ, số tiền phạt vi phạm tăng 31,7 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu do công ty, doanh nghiệp xả nước thải vượt quy chuẩn ra môi trường.

